



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 9/2020

1

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 9 năm 2020 ước đạt 3,84 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2020 đạt 30,05 tỷ USD, tăng 1.6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 231 triệu USD, giảm 19,7%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 6,04 tỷ USD, giảm 2,9%; và giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 9,09 tỷ USD, tăng 13,4%.

Giá trị kim ngạch nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 9 năm 2020 ước đạt 2,66 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2020 đạt 22,78 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 17,84 tỷ USD, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2019.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Tính đến ngày 15/9/2020, khối lượng gạo xuất khẩu đạt 4,8 triệu tấn, trị giá 2,4 tỷ USD giảm 0,8% về lượng nhưng tăng 11,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 9 năm 2020 ước đạt 420 nghìn tấn với giá trị đạt 215 triệu USD. Tính trong 8 tháng đầu năm 2020, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 35,4% thị phần, giá trị đạt 1,72 triệu tấn và 797,6 triệu USD, giảm 2,4% về khối lượng nhưng tăng 10,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là: Senegal (gấp 3,55 lần, đạt 42,1 nghìn tấn và 15,0 triệu USD), Indonesia (gấp 2,9 lần, đạt 64,9 nghìn tấn và 36,2 triệu USD) và Trung Quốc (tăng 82,5%, đạt 536,2 nghìn tấn và 316,9 triệu USD). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Iraq (giảm 65,6%,

xuống 90 nghìn tấn và 47,6 triệu USD). Giá gạo xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2020 đạt 489,2 USD/tấn, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 8 tháng năm 2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 40,7% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 37,6%; gạo nếp chiếm 17,4%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,2%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (với 544,1 triệu USD, chiếm 55,4%), Malaysia (với 129,9 triệu USD, chiếm 13,2%) và Cuba (với 72,6 triệu USD, chiếm 7,4%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (với 280,8 triệu USD, chiếm 30,9%), Ghana (với 157,8 triệu USD, chiếm 17,4%) và Bờ Biển Ngà (với 129,7 triệu USD, chiếm 14,3%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc (với 299,2 triệu USD, chiếm 71,4%), Philippin (với 33,0 triệu USD, chiếm 7,9%) và Indonesia (với 31,2 triệu USD, chiếm 7,4%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (với 20,5 triệu USD, chiếm 20,4%), Đảo quốc Solomon (với 16,7 triệu USD, chiếm 16,6%), và Philippin (với 7,8 triệu USD, chiếm 7,8%).

2 Trên thị trường thế giới, nhu cầu đối với gạo từ các đầu mối xuất khẩu châu Á giảm khiến giá gạo Thái Lan và Việt Nam giảm, trong khi giá gạo xuất khẩu tại Ấn Độ đã tăng lên mức cao nhất trong gần 18 tháng do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đang lan rộng khiến nguồn nhân công tại các nhà máy và cảng bị thiếu hụt. Giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ tăng từ 384 - 390 USD/tấn lên 387-394 USD/tấn. Giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan giảm liên tiếp trong 3 tuần, xuống còn 480 - 504 USD/tấn, từ mức 500 - 513 USD/tấn. Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL tháng 9 tăng hơn so với tháng 8. Giá gạo tăng do nguồn cung cuối vụ Hè Thu hạn chế. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 250 đồng/kg lên 5.850 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 300 đồng/kg lên 5.800 đồng/kg; lúa OM 6976 tăng 250 đồng/kg lên mức 5.650 đồng/kg; lúa gạo thường giảm 500 đồng/kg xuống 10.500 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 400 đồng/kg lên 6.200 - 6.500 đồng/kg; lúa OM 6976 tăng 200 đồng/kg lên mức 6.800 - 6.900 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 200 đồng/kg lên mức 6.900 - 7.000 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, lúa OM 5454, OM 4900 ổn định ở mức 5.800 - 6.000 đồng/kg; lúa tươi ST24, ST25 ở mức 6.500 - 6.700 đồng/kg; lúa Đài thơm 8 ở mức 6.000 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 ở mức 5.700 đồng/kg, tăng 600 đồng/kg; lúa khô ở mức 6.100 đồng/kg, tăng 700 đồng/kg; lúa hạt dài ứt tăng 400 đồng/kg lên 5.800 đồng/kg, lúa khô tăng 600 đồng/kg lên 6.200 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: (1) Sáng ngày 22/9 tại Nhà máy Lương thực Thoại Sơn trực thuộc Tập đoàn Lộc Trời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh An Giang tổ chức lễ công bố xuất khẩu lô gạo thơm đầu tiên sang châu Âu sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) đi vào thực thi. Đây là kết quả đáng mừng đối với Việt Nam, Bộ Nông

3
nghiệp và PTNT đề nghị các địa phương, doanh nghiệp nắm chắc các nội dung cam kết trong Hiệp định EVFTA và những yêu cầu mà Liên minh châu Âu đưa ra, nhất là các vấn đề về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và xuất xứ nguồn gốc để tận dụng cơ hội này. Bộ Nông nghiệp cũng lưu ý đối với 30.000 tấn gạo thơm, EU yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước chứng nhận về tính đúng giống nên các địa phương phải tăng cường kiểm tra, giám sát để minh bạch và trung thực trong việc thực hiện quy định này. Doanh nghiệp phải liên kết sâu rộng với các địa phương và các hợp tác xã để tạo ra vùng sản xuất lớn, tập trung, áp dụng đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ quy trình canh tác, quy trình thu hoạch để sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu mà thị trường EU đã đề ra; (2) Theo thông tin dự báo cập nhật mới nhất trong tháng 9/2020 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng gạo của thế giới năm 2020 ước đạt 495,9 triệu tấn, giảm khoảng 0,1% so với năm 2019. Tiêu dùng gạo thế giới năm 2020 ước đạt 491,4 triệu tấn, tăng khoảng 1,5% so với năm 2019.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 9 năm 2020 ước đạt 250 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 9 tháng đầu năm 2020 đạt gần 2,5 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020 với 58,2% thị phần, với giá trị xuất khẩu đạt 1,31 tỷ USD, giảm 26,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tiếp đến là Hoa Kỳ đạt 105,2 triệu USD (chiếm 4,7% thị phần, tăng 5,7%); Hàn Quốc đạt 103,7 triệu USD (chiếm 4,6%, tăng 18,1%); Thái Lan đạt 103 triệu USD (chiếm 4,6%, tăng 229,5%); Nhật Bản đạt 89,4 triệu USD (chiếm 4%, tăng 10,9%); Đài Loan đạt 61,3 triệu USD (chiếm 2,7%, tăng 59,8%); Hà Lan đạt 54,7 triệu USD (chiếm 2,4%, giảm 5%); Hồng Kông đạt 44,3 triệu USD (chiếm 2%, tăng 27%). Giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 giảm do giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng giảm, trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 36,2% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 816,2 triệu USD, giảm 5,7%; chuối đạt 128,7 triệu USD (chiếm 5,7%, giảm 9,9%); chanh đạt 96,6 triệu USD (chiếm 4,3%, giảm 3,4%); sầu riêng đạt 77,2 triệu USD (chiếm 3,4%, giảm 58,5%); vải quả đạt 36,1 triệu USD (chiếm 1,6%, giảm 21,4%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 9/2020 ước đạt 121 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2020 đạt 939 triệu USD, giảm 32,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ôxtrâyli là các thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam với giá trị nhập khẩu lần lượt là 205 triệu USD (chiếm 25,1% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 33,5% so với cùng kỳ năm trước); 204,5 triệu USD (chiếm 25%, tăng 8,6%) và 70,6 triệu USD (chiếm 8,6%, giảm 4,4%).

Tại thị trường trong nước, giá một số loại trái cây có xu hướng tăng/giảm trong tháng như sau: Tại Kiên Giang, giá chuối xiêm tăng trở lại, lên mức 9.000-10.000

đồng/nải, gấp 5 lần so với thời điểm bị mất giá kéo dài từ năm ngoái sang đầu năm nay. Theo nhà vườn, giá chuối hiện nay tăng cao, ngoài việc thị trường tiêu thụ tốt, thương lái đẩy mạnh thu mua, thì nguồn cung cũng bị hạn chế trong bối cảnh ảnh hưởng mưa bão; Giá mít Thái ở Hậu Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ... có thời điểm lên đến gần 70.000 đồng/kg. Hiện mít Thái loại I, có trọng lượng từ 8kg/trái trở lên được thương lái thu mua tại vườn với giá 65.000 - 68.000 đồng/kg; loại II, dưới 8kg/trái có giá từ 50.000 - 55.000 đồng/kg, bình quân tăng hơn 25.000 đồng/kg, so với thời điểm cuối tháng 8, tăng gấp 3 lần so với thời điểm cách đây khoảng 3 tháng và cao hơn 15.000 đồng/kg so với giá mít đỉnh điểm năm ngoái. Giá dứa sấp tại tỉnh Trà Vinh được thu mua tại vườn từ 100.000 – 120.000 đồng/quả (tùy trọng lượng trái dứa), tăng từ 20.000 – 25.000 đồng/quả so với tháng 6 âm lịch do nhu cầu của rất nhiều du khách từ các nơi ngoài tỉnh đến huyện Cầu Kè trong dịp lễ hội Vu Lan và dịp Trung thu.

Đối với rau củ, giá một số rau củ tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long và TP Hồ Chí Minh tăng giá mạnh do ảnh hưởng của bão và mưa. Các mặt hàng như khoai tây, cà rốt, súp lơ đều đạt mức tăng 10.000đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: Trong tháng 9/2020, một loạt các sự kiện diễn ra cho thấy tín hiệu đáng mừng của ngành rau quả trong việc tận dụng lợi thế của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), vượt qua khó khăn, thách thức của thị trường để ngày càng phát triển bền vững: Cụ thể: (1) Chiều ngày 16/9, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp) phối hợp với UBND tỉnh Gia Lai tổ chức Lễ xuất khẩu café (công ty Vĩnh Hiệp) và lô hàng chanh dây vào thị trường EU do Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao (Doveco) thực hiện; (2) Chiều ngày 17/9, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng UBND tỉnh Bến Tre tổ chức Lễ công bố chính thức xuất khẩu lô hàng thanh long, bưởi, dứa sang EU theo Hiệp định Thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA). Lô hàng gồm 20.000 quả dứa tươi, 12 tấn bưởi da xanh và 3 tấn thanh long do Tập đoàn Vina T&T xuất khẩu sang EU bằng đường tàu biển và hàng không; (3) Sáng 20/9, Bộ đã phối hợp UBND tỉnh Sơn La và Tập đoàn TH khánh thành Tổ hợp chế biến rau củ quả tại Vân Hồ, Sơn La; (4) Chiều 28/9, tại Khu công nghiệp Mai Sơn, Sơn La, đã khởi công Nhà máy chế biến Rau quả Đồng Giao trên diện tích 9ha, gồm tổ hợp 3 nhà máy có thiết bị và công nghệ hiện đại với công suất thiết kế từ 10.000 – 20.000 tấn sản phẩm/năm.

3. Sản

Khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 9 năm 2020 ước đạt 200 nghìn tấn với giá trị đạt 80 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 9 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,94 triệu tấn và 685 triệu USD, tăng 12,1% về khối lượng và tăng 1,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất

khẩu sản và sản phẩm sản bình quân 9 tháng đầu năm 2020 ước đạt 352,6 USD/tấn, giảm 9,3% so với cùng kì năm ngoái.

Xét về cơ cấu sản phẩm, trong 9 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu sản lát tăng ước đạt 488 nghìn tấn, tương đương 110 triệu USD, tăng 81% về lượng và 90% về giá trị so với cùng kì năm trước. Giá xuất khẩu sản lát bình quân 9 tháng ở mức 226 USD/tấn, tăng 5% so với mức giá 216 USD/tấn của cùng kì năm trước. Về mặt hàng tinh bột sản, xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,45 triệu tấn với giá trị 573 triệu USD, tương đương giảm 1% về lượng và giảm 7% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản đạt 395 USD/tấn, giảm 7% so với cùng kì năm trước.

Xét về cơ cấu thị trường, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực trong 8 tháng đầu năm 2020. Cụ thể tổng sản lượng xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc 8 tháng đầu năm 2020 đạt 1,58 triệu tấn, tương đương với 547 triệu USD, tăng 14,8% về sản lượng và tăng 1,6% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Đài Loan, Malaysia cũng là 2 tăng trưởng mạnh nhập khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020, với mức tăng trưởng về giá trị xuất khẩu lần lượt là 27% và 11,7% so với cùng kì năm ngoái.

5

Theo Hiệp hội Sản Việt Nam, nguồn sản lát tồn kho vụ 2019-2020 đang bị ảnh hưởng trong bối cảnh tình trạng cây sản bị nhiễm bệnh khảm lá đang diễn ra nhiều nơi. Mặc dù hầu hết các nhà máy chế biến sản tại Việt Nam đã chạy máy vụ sản xuất 2020-2021, tuy nhiên sản lượng của các nhà máy vẫn rất hạn chế. Xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc tiếp tục giảm trong tháng 8 năm 2020, chỉ đạt 23,7 nghìn tấn tương đương 5,2 triệu USD, giảm 13% về lượng và 11% về giá trị so với tháng 7 năm 2020. Giá xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc bình quân tháng 8 đạt 219 USD/tấn tăng 2% so với tháng 7 năm 2020, nhưng giảm 8% so với cùng kì năm ngoái. Trong khi đó, xuất khẩu tinh bột sản sang Trung Quốc tháng 8 năm 2020 cũng suy giảm do nguồn cung yếu và nhu cầu của Trung Quốc không cao. Lượng xuất khẩu ghi nhận ở mức 114,7 nghìn tấn, với giá trị 46,2 triệu USD, giảm 30% về lượng và 28% về giá trị so với tháng 7 năm 2020. Giá xuất khẩu tinh bột sản tăng lên cao nhất trong năm 2020 đạt 403 USD/tấn do giá nguyên liệu đầu vào tăng và tồn kho nhà máy cạn. Hiện giá còn từ ngô và sản tại Trung Quốc đang giảm do nhu cầu tiêu thụ yếu hơn. Trong khi đó giá ngô tại nước này cũng đang trong xu hướng giảm mạnh do nguồn cung nội địa lẫn nhập khẩu dồi dào. Điều này sẽ tác động trực tiếp lên nhập khẩu sản của Trung Quốc.

Tại thị trường trong nước, giá giao dịch sản lát thu mua nội địa tháng 9 năm 2020 tại khu vực Tây Ninh/Bình Phước tiếp tục tăng do tồn kho nội địa cạn kiệt, giao động ở mức 5.500-5.600 đồng/kg, tăng 200 đồng/kg so với tháng 8. Giá sản củ tươi vụ mới năm 2020 tại Tây Ninh giao động ở mức 2.650-2.700 đồng/kg. Theo đánh giá của

một số nhà máy, thì mùa vụ 2020-2021 tại khu vực Tây Ninh tiếp tục gặp khó khăn về nguyên liệu do lượng sản từ Campuchia về ít hơn và giá cao hơn năm trước.

Một số nhận định và dự báo: Dự báo giao dịch xuất khẩu sản lát và tinh bột sản trong thời gian tới sẽ tiếp tục gặp nhiều thách thức do nhu cầu mua từ Trung Quốc yếu hơn và tồn kho nội địa đạt thấp.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 9 năm 2020 ước đạt 100 nghìn tấn với giá trị đạt 188 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu năm 2020 đạt 1,25 triệu tấn và 2,16 tỷ USD, giảm 1,4% về khối lượng và giảm 1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong 8 tháng đầu năm, Đức, Mỹ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 13,2% (đạt 260,5 triệu USD); 9,1% (đạt 179,5 triệu USD) và 8% (đạt 167,8 triệu USD). Trong 8 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu cà phê tăng tại các thị trường: Ba Lan (tăng 46,2%, đạt 29,2 triệu USD), Nhật Bản (tăng 16,4%, đạt 132,5 triệu USD) và Hàn Quốc (tăng 7,7%, đạt 44,9 triệu USD). Ngược lại, giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (giảm 30,1%, đạt 39,5 triệu USD) và Tây Ban Nha (giảm 11,6%, đạt 129,6 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2020 đạt 1.711 USD/tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2019. Ước tháng 9/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân tăng 1,3% so với tháng 8/2020 và tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 9/2020, giá cà phê thế giới trên các sàn phái sinh biến động giảm. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 11/2020 thị trường London giảm 88 USD/tấn xuống còn 1.341 USD/tấn. Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica giao ngay tháng 12/2020 chứng kiến sự sụt giảm khi giao dịch ở mức 2.520 USD/tấn, mức giảm mạnh trong thời gian qua.

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 8/2020, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 1.500 – 1.600 đ/kg xuống mức 31.600 – 32.100 đ/kg. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Giá cà phê Robusta giá FOB tại cảng thành phố Hồ Chí Minh giảm 3,2%, xuống 33.800 đ/kg. Trung tuần tháng 9/2020, đã có lúc giá cà phê đạt chuẩn Robusta nội địa vượt mức 34.500 đ/kg, các nhà nhập khẩu cho rằng giá này còn tương đối cao nên tạm thời chưa đến được với sàn. Thêm vào đó, hải trình di chuyển từ Việt Nam đến các thị trường này còn xa và tốn kém nhiều chi phí. Do đó, dự báo giá cà phê trong nước sẽ giữ được sự ổn định, không quá bị ảnh hưởng nhiều bởi giá cả của sàn London.

Một số nhận định và dự báo: (1) Sáng ngày 16/9, tại Gia Lai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp) phối hợp với UBND tỉnh Gia Lai và Công ty TNHH Vĩnh Hiệp tổ chức Lễ xuất khẩu 296 tấn cà phê sang Châu Âu theo Hiệp định EVFTA. Để tiếp tục triển khai Hiệp định EVFTA có hiệu quả, đặc biệt trong

ngành hàng cà phê, Bộ Nông nghiệp đề nghị các địa phương tiếp tục hướng dẫn người dân sản xuất cà phê được chứng nhận do các nhà nhập khẩu châu Âu yêu cầu, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, minh bạch. Đồng thời đẩy nhanh áp dụng các tiến bộ về khoa học, kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế bảo quản các sản phẩm cà phê. Chuyển đổi bộ giống cà phê theo hướng nâng cao chất lượng, tăng thị phần cà phê đặc sản, tiếp tục đăng ký chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm của địa phương mình¹; (2) Cuối tháng 9/2020, Brazil về cơ bản đã thu hoạch xong cà phê, sản lượng ước tính niên vụ này đạt khoảng 3,5 triệu tấn cà phê, tăng khoảng 19,4% so với năm 2019 và vượt dự báo trước đây khoảng 36 nghìn tấn; (3) Các nước sản xuất cà phê lớn như Brazil, Columbia, Mexico hay Ấn Độ đều đang gánh chịu thiệt hại nặng nề từ dịch Covid-19 làn sóng thứ 2 khi đây là những nước có ca lây nhiễm và tử vong hàng đầu. Trong khi đó, Mỹ, Nga, Tây Ban Nha đã ghi nhận số lượng lớn các ca lây nhiễm và tử vong là những nước tiêu thụ cà phê hàng đầu trên thế giới. Thông tin dịch bệnh, kết hợp với việc Brazil bội thu, Columbia và Mexico chuẩn bị bước vào mùa thu hoạch càng khiến giá cà phê sụt giảm nghiêm trọng. Thêm vào đó, giá đồng USD bất ngờ tăng mạnh trong những ngày cuối tháng do sự phục hồi của chứng khoán Mỹ, đồng Real Brazil suy yếu, thúc đẩy đầu cơ bán mạnh. Các yếu tố này đã đẩy tình hình giao dịch cà phê trên thị trường gặp nhiều khó khăn.

7

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 9 năm 2020 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 22 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 9 tháng đầu năm 2020 đạt 98 nghìn tấn và 157 triệu USD, tăng 3,5% về khối lượng nhưng giảm 5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2020 đạt 1.594 USD/tấn, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 8 tháng đầu năm 2020, khối lượng chè xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm, đặc biệt là hai thị trường chính, bao gồm Pakistan và Đài Loan, với 47,3% thị phần. Cụ thể, tính chung 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu chè sang Pakistan chỉ đạt 24,4 nghìn tấn, tương đương 46,4 triệu USD, giảm 6,9% về khối lượng và giảm 12% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; xuất khẩu sang Đài Loan đạt 11 nghìn tấn, tương đương 17,3 triệu USD, giảm 11,9% về khối lượng và giảm 10,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Sức mua của hai thị trường này giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Tại thị trường thế giới, giá chè tiếp tục xu hướng tăng ở các thị trường lớn. Cụ thể, giá chè tại Ấn Độ tiếp tục tăng mạnh lên mức kỷ lục chưa từng có do nguồn cung bị ảnh hưởng bởi lụt lội ở các bang trồng chính và việc nói lỏng lệnh phong tỏa ở một số bang. Ảnh hưởng của nguồn cung thấp do điều kiện thời tiết và trong nước và khu

¹<http://vnsat.gov.vn/tin-tuc/tin-tu-bql-trung-uong-du-an-vnsat/gia-lai-cong-bo-ket-qua-lien-ket-chuoi-ca-phe-271.html>

vực cũng giúp giá chè tại Kenya tiếp tục cải thiện trong tháng 9. Tại Ấn Độ, giá chè trung bình trong tháng tính đến ngày 12/9 tại các phiên mở bán của CTTA đạt 2610 USD/tấn, tăng 380 USD/tấn so với tháng trước. Giá chè BP1 giao ngay tại các phiên đấu giá trong tháng (tính đến ngày 16/9) tại sàn giao dịch Mombasa, Kenya đạt trung bình 4.620 USD/tấn, tăng 890 USD/tấn so với tháng trước.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng 9/2020 không có nhiều biến động. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô 90.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành 9.800 đ/kg, chè hạt 7.500 đ/kg.

6. Hồ tiêu

Khối lượng hồ tiêu xuất khẩu tháng 9 năm 2020 ước đạt 18 nghìn tấn với giá trị đạt 45 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu 9 tháng đầu năm 2020 đạt 220 nghìn tấn và 489 triệu USD, giảm 5,8% về khối lượng và giảm 17,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ba thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020 là Hoa Kỳ, Ấn Độ và Đức chiếm 31,2% thị phần tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu. Thị trường có giá trị xuất khẩu hồ tiêu tăng mạnh nhất trong 8 tháng đầu năm 2020 là Myanmar (tăng 31,4%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu hồ tiêu giảm nhiều là Ấn Độ (giảm 46,4%). Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2020 đạt 2.198 USD/tấn, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 8, xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ và Ấn Độ đều giảm cả về giá trị và sản lượng. Cụ thể, tại Hoa Kỳ, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 4,5 nghìn tấn tương đương 11,5 triệu USD giảm 3% về lượng và 7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Mặc dù xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ giảm nhẹ cả về giá trị và sản lượng, tuy nhiên giá xuất khẩu trong tháng 8 năm 2020 lại tăng nhẹ lên mức 2.556 USD/tấn, tăng 1% so với tháng 7, nhưng vẫn giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu tăng là nhờ giá hồ tiêu trên thị trường thế giới có xu hướng tăng trở lại do các hoạt động mua bán sôi động hơn trên các thị trường. Giá hồ tiêu Sri Lanka, Indonesia hay Brazil xuất sang Hoa Kỳ đều tăng từ 300-400 USD/tấn. Hiện nay, Chỉ số PMI – thước đo hoạt động sản xuất và dịch vụ của Hoa Kỳ tăng lên 54,7 điểm, cao nhất trong 18 tháng qua cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ đang có dấu hiệu phục hồi.

Tại thị trường Ấn Độ, xuất khẩu trong tháng 8 đạt 532 tấn tương đương 1,32 triệu USD, giảm 53% về lượng và 48 % về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Dịch Covid-19 đã làm tê liệt hoạt động xuất nhập khẩu của quốc gia này. Tuy nhiên, mùa lễ hội sắp tới tại Ấn Độ có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ mặt hàng tiêu cao hơn trước. Hoạt động thu mua hồ tiêu đã bắt đầu tăng tại Ấn Độ do các hoạt động kinh tế đang dần được phục hồi.

Tại thị trường trong nước, giá hồ tiêu vẫn có xu hướng tăng trong tháng 9/2020. Cụ thể, so với tháng trước, giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu tăng 1.000 đ/kg lên mức

51.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đắc Lắc, Đắc Nông tăng 500 đ/kg lên 49.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai tăng 1.000 đ/kg lên 48.500 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai tăng 500 đ/kg lên 48.000 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: Dự báo trong ngắn hạn, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sẽ thuận lợi hơn khi các thị trường nhập khẩu chính như Hoa Kỳ, Ấn Độ đều đang có dấu hiệu phục hồi. Bên cạnh đó EVFTA cũng mở ra nhiều cơ hội cho ngành hàng hồ tiêu Việt Nam trên thị trường EU. Giá xuất khẩu tiêu của Việt Nam cũng sẽ tăng cùng xu hướng tăng của giá hồ tiêu thế giới.

7. Điều

Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 9 năm 2020 ước đạt 50 nghìn tấn với giá trị 298 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2020 đạt 363 nghìn tấn và 2,3 tỷ USD, tăng 10,6% về khối lượng nhưng giảm 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm, chiếm thị phần lần lượt là 34%, 13,3% và 11,4% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Nhật tăng 75,9%, ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Nga giảm 38,8%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2020 đạt 6.392 USD/tấn, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 09/2020 ước đạt 142 nghìn tấn với giá trị đạt 143 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2020 đạt 1,11 triệu tấn và 1,35 tỷ USD, giảm 14% về khối lượng và giảm 20,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 8 năm 2020 là Bồ Đào Nha, Campuchia và Ghana.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động trái chiều trong tháng 9. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước tăng từ 25.500 đồng/kg lên 28.000 đồng/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô giảm từ 33.000 đồng/kg xuống 32.000 đồng/kg. Đắc Lắc đã kết thúc vụ thu hoạch điều.

Trên thị trường thế giới, ngành thực phẩm Ấn Độ hiện đang có nhu cầu lớn đối với điều vỡ, điều mảnh. Hạt điều vỡ đôi loại Jumbo thượng hạng (điều vỡ W180, W210 và W240) đang được giao dịch ở mức khoảng 650 Rs/kg/Goa-Mangalore. Hạt điều mảnh King size thượng hạng (Jumbo-K) đang bán ra với giá 610 Rs/kg/Goa-Mangalore. Năm nay, lễ hội Diwali sẽ diễn ra vào giữa tháng 11, do đó, việc mua vào cho năm mới sẽ bắt đầu ngay sau lễ hội Diwali. Các chuyên gia thị trường hạt điều cho rằng sắp tới là thời điểm tốt cho mặt hàng này.

Một số nhận định và dự báo: (1) Nhu cầu thu mua điều thô hiện nay vẫn rất cao, chủ yếu đến từ các lò chẻ và các nhà máy nhỏ. Còn các nhà máy lớn do giá quá cao không cân đối được với giá điều nhân, nên họ giảm công suất chế biến để chờ khi

giá điều thô hạ. Đối với thị trường điều nhân, trong hai tuần cuối của tháng 9 các giao dịch đã sôi động hơn. Giá điều nhân đang giao động ở mức 6.128 đến 7054 USD/tấn đối với mã W320 FOB. Nhu cầu của Trung Quốc cũng đang tăng nhưng lượng chào bán ít do phía các nhà nhập khẩu có yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng, trong khi nguồn hàng phù hợp với tiêu chuẩn của họ ở Việt Nam không còn nhiều. Với thị trường điều nhân nội địa giá tăng liên tục, cao hơn cả giá FOB. Nguyên nhân chủ yếu do một số công ty thiếu hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký từ trước cần mua nhân điều nội địa. Ngoài ra có thông tin một số các công ty thương mại đang gom điều nhân nhằm đẩy giá lên để bán điều thô. Giá điều nhân trên thị trường đang tăng giá trong giai đoạn ngắn do phía Việt Nam đang bị thiếu hụt điều thô cục bộ. Tuy nhiên, lượng cung điều thô trên thế giới vẫn còn rất lớn vì thế có thể trong 1-2 tháng tới giá điều nhân có thể đảo chiều. Do vậy khuyến nghị cho các nhà máy chế biến điều nên thận trọng trước tình huống này; (2) Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng, vì vào những tháng cuối năm các nước nhập khẩu lớn như Mỹ, Ấn Độ, EU và Trung Quốc sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ tết cuối năm. Giá điều nhân dự báo cũng sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới theo luật cung cầu trên thị trường, vì trong thời gian qua nhiều cơ sở chế biến điều quy mô nhỏ và vừa ở cả Việt Nam và Ấn Độ giảm công suất, ngưng hoạt động lại làm cho lượng hàng cung ứng ra thị trường giảm.

9. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 9/2020 của Việt Nam ước đạt 230 nghìn tấn với giá trị đạt 296 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2020 đạt 1,14 triệu tấn và 1,45 tỷ USD, tăng 2,4% về khối lượng nhưng giảm 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao su xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2020 khoảng 1.275,9 USD/tấn, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 74,6%, 4,2% và 2,3%.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 9/2020 ước đạt 110 nghìn tấn, giá trị đạt 131 triệu USD; nâng khối lượng nhập khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam lên 675 nghìn tấn và 888 triệu USD, tăng 34,6% về lượng và tăng 4,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020 là Campuchia (20,4%), Hàn Quốc (16,5%) và Nhật Bản (11,5%).

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động trái chiều trong tháng 9. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước tăng 10 đồng/độ lên 270 đồng/độ, mủ cao su dạng thô tăng 1.000 đồng/kg lên 12.000 đồng/kg. Trong khi đó, giá mủ tại Đồng Nai ổn định ở mức 9.000 đồng/kg, sau khi giảm giá vào cuối tháng 8.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) giảm mạnh trong nửa đầu tháng 9 do giá dầu giảm, nhưng sau đó tăng trở lại

sau khi Thủ tướng mới của Nhật Bản cam kết đưa ra các chính sách thúc đẩy nền kinh tế. Kết thúc phiên giao dịch 9/9, giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 2/2021 chỉ đạt 176 yên/kg, giảm 20,7 yên (tương đương 11,8%) so với phiên 1/9 và là mức thấp nhất trong 2 tuần. Đến cuối phiên giao dịch 17/9, giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 2/2021 đạt 187,2 yên/kg, với mức tăng 11,2 yên (tương đương 6,4%) so với phiên 9/9.

Một số nhận định và dự báo: (1) *Thương mại cao su phục hồi:* Báo cáo tháng 9/2020 của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) cho biết nhu cầu cao su toàn cầu có khả năng hồi phục trong quý III/2020 sau khi giảm sâu ở quý trước đó. ANRPC dự báo nhu cầu cao thế giới quý III/2020 chỉ còn giảm 2,9%, sau khi giảm 14% trong 7 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (giảm 15% trong quý I/2020 do Trung Quốc, và giảm 15,8% trong quý II do nhu cầu của các nước khác ngoài Trung Quốc cũng giảm sút). Cơ sở để ANRPC lạc quan về triển vọng nhu cầu trong quý III/2020 là nền kinh tế Mỹ hồi phục nhanh, sản xuất của Trung Quốc tiếp tục hồi phục, và tiêu thụ ô tô ở cả Trung Quốc và Ấn Độ đều phục hồi. ANRPC cũng dự báo sản lượng cao su tự nhiên thế giới có thể giảm 4,7% trong năm 2020 xuống còn 13,1 triệu tấn do đại dịch Covid-19 làm giảm mạnh nhu cầu và đẩy ngành cao su vào tình trạng khủng hoảng; (2) *Giá cao su khả quan:* Theo ANRPC, diễn biến thị trường trong ngắn hạn và trung hạn phụ thuộc nhiều vào sự phục hồi kinh tế toàn cầu và sự hồi sinh của ngành công nghiệp ô tô và vận tải. Thị trường cao su sẽ chịu tác động lớn từ việc vắc-xin chống Covid-19 khi nào sẽ có, và hiệu quả sẽ như thế nào. Nhu cầu gắng tay y tế tiếp tục gia tăng do đại dịch Covid-19 thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su trên toàn cầu tăng (theo Hiệp hội Cao su Thái Lan). Bên cạnh đó, các nhà máy tại Trung Quốc khôi phục sản xuất cũng tạo tâm lý lạc quan cho thị trường cao su. Triển vọng giá cao su thiên nhiên đang sáng dần lên, do dự báo nhu cầu gắng tay cao su sẽ còn tăng trong khi nguồn cung cao su trên thế giới hạn hẹp. Trên thị trường thế giới, trong tháng 8/2020, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tăng mạnh. Giá cao su tăng mạnh do thị trường lo ngại tình trạng thiếu nhân lực khai thác mủ cao su sẽ dẫn đến tình trạng thiếu nguồn cung; thông tin tích cực từ thỏa thuận thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sau nhiều tuần căng thẳng. Trước những diễn biến tích cực từ thị trường, đặc biệt là dự báo về nhu cầu cao su thế giới tháng 9/2020 tiếp tục tăng sẽ thúc đẩy giá cao su thiên nhiên thế giới tăng lên, trong đó có giá cao su xuất khẩu của Việt Nam.

10. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 9 năm 2020 ước đạt 34 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2020 ước đạt 231 triệu USD, giảm 19,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 8 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 62,73 triệu USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt động vật đạt 54,95 triệu USD, giảm

49,2% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu mật ong đạt 44,89 triệu USD, tăng 40,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 9 năm 2020 đạt 245 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2020 đạt 2,34 tỷ USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước tăng 10%, đạt 839 triệu USD, giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác ước tăng 41,5%, đạt 1,5 tỷ USD.

Trong tháng 9/2020, giá lợn hơi tại các khu vực trên cả nước biến động nhẹ. Cụ thể, giá lợn hơi tại miền Bắc dao động trong khoảng 78.000 đ/kg - 84.000 đ/kg. Tại miền Trung, Tây Nguyên, giá lợn hơi được thương lái thu mua trong khoảng 79.000 - 82.000 đ/kg. Tại Thanh Hóa và Hà Tĩnh, giá cùng đạt ngưỡng 81.000 đ/kg. Còn ở Nghệ An và Khánh Hòa có giá là 82.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại miền Nam được giao dịch trong khoảng 79.000 - 82.000 đ/kg. Tại Đồng Nai và Bạc Liêu giá khoảng 79.000 - 80.000 đồng/kg. Tiền Giang ở mức 80.000 đồng/kg, ngang bằng với các tỉnh Tây Ninh, Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp.

Giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại biến động giảm tại các vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc giảm 5.000 đ/kg xuống còn 34.000 - 36.000 đ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung giảm 7.000 đ/kg xuống còn 32.000 - 34.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc giảm 7.000 đ/kg xuống 24.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung giảm 3.000 đ/kg, hiện ở mức 17.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông Nam Bộ giảm 1.000 đ/kg xuống mức 17.000 đ/kg. Giá trứng gà miền Bắc và miền Trung giảm 100 đ/quả xuống còn 1.700 - 1.900 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ tăng 50 - 100 đ/quả, hiện ở mức 1.350 - 1.550 đ/quả.

Ngày 27/9/2020, ngành chăn nuôi đón nhận tin hiệu lạc quan với sự kiện khởi công dự án Tổ hợp Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Ea M'droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk do Tập đoàn De Heus (Hà Lan) và Công ty Hùng Nhơn liên danh xây dựng. Đây là tổ hợp sản xuất theo chuỗi khép kín các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, với vốn đầu tư dự kiến khoảng 1.500 tỷ đồng, quy mô đất 200ha, tiến độ thực hiện từ năm 2020 - 2025. Dự án đóng vai trò quan trọng không chỉ ở góc độ kinh tế, an ninh lương thực mà còn tạo công ăn việc làm, sinh kế cho các hộ nông dân, mở ra cơ hội phát triển và hiện đại hoá ngành chăn nuôi.

11. Thủy sản

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 7/2020 tại Mỹ là 2,69 USD/kg, giảm 5,6% so với tháng 6/2020 và thấp hơn 28% so với cùng tháng năm 2019. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 7/2020 đạt 8,4 USD/kg, tăng 1,57% so với tháng 6/2020 và tăng 1,2% so với cùng tháng năm 2019.

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 9 năm 2020 ước đạt 820 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2020 đạt 6,03 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm

2019. Hoa Kỳ (1,02 tỷ USD, tăng 7%), Nhật Bản (913,63 triệu USD, giảm 2,9%), EU (661,25 triệu USD, giảm 17,35%) Trung Quốc (700,57 triệu USD, giảm 3,3%) và Hàn Quốc (491,44 triệu USD, giảm 2,6%) là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020, chiếm 59,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 8 tháng đầu năm 2020, ghi nhận giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh sang Anh (tăng 19,1%).

Giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 9/2020 ước đạt 152 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2020 đạt gần 1,3 tỷ USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 8 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (161 triệu USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ 2019), Na Uy (134,4 triệu USD, giảm 7,8%), Nhật Bản (111,3 triệu USD, tăng 30,3%).

Tại thị trường trong nước, giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh thuộc ĐBSCL trong tháng 9 ổn định, dao động quanh mức 17.500-18.000 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam đang hy vọng sẽ có bước phục hồi sớm tại thị trường EU sau khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực.

Giá tôm tại vùng ĐBSCL đã nhích trở lại trong tháng 9, thị trường xuất khẩu tôm cũng đã xuất hiện những tín hiệu khởi sắc. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg giữ giá 190.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg tăng 10.000 đ/kg lên 160.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng 10.000 đ/kg lên 140.000 đ/kg. Giá tôm thẻ cỡ lớn cũng tăng 10.000-15.000, giúp cải thiện đáng kể mức lợi nhuận của người nuôi tôm. Tuy nhiên, tôm thẻ cỡ nhỏ 60 – 100 con/kg không tăng và hiện có giá khá thấp do sức tiêu thụ từ thị trường Trung Quốc giảm mạnh vì ảnh hưởng dịch Covid-19 và tình trạng thiên tai, bão lũ: cỡ 60 con/kg giảm 5.000 đ/kg xuống còn 95.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg giảm 5.000 đ/kg còn 90.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg giảm 10.000-12.000 đ/kg còn 70.000 – 72.000 đ/kg.

Một số dự báo và nhận định: (1) Sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang EU tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ 2019. Điều đó phản ánh tác động tích cực của Hiệp định trong việc thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng thủy sản được ưu đãi thuế 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trong đó thay đổi rõ rệt và tích cực nhất là tôm, mực, bạch tuộc. So với các nước đối thủ cạnh tranh khác tại thị trường này, các sản phẩm của Việt Nam đang có lợi thế khi hưởng thuế 0% như sản phẩm tôm sú, tôm chân trắng đông lạnh (mã HS03 đang chiếm khoảng 30% giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam) so với Thái Lan đang bị áp mức thuế cơ bản 12%, Ấn Độ chịu thuế GSP 4,2%, Indonesia chịu thuế GSP 4,2%; sản phẩm cá ngừ VN sẽ có cơ hội tốt hơn sau 3 – 7 năm thuế được về 0%, tăng khả năng cạnh tranh với đối thủ lớn nhất là Thái Lan, đang bị áp thuế 18%-24%. Tuy nhiên, để tận dụng được ưu đãi thuế quan, ngành thủy sản cần có nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng ATVSTP đạt tiêu chuẩn và tuân thủ quy định của thị trường EU. Điều quan trọng là doanh nghiệp

biết tận dụng hiệu quả và linh hoạt và trung thực quy tắc xuất xứ của hiệp định. Ngoài ra, doanh nghiệp cần đặc biệt chú trọng thực hiện và đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về lao động và môi trường trong hiệp định, các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững; (2) Dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Mỹ trong những tháng cuối năm 2020 tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu thụ tăng vào dịp lễ, tết cuối năm; (3) Theo số liệu được đưa ra tại Hội thảo trực tuyến do Undercurrent News tổ chức, sản lượng tôm năm 2020 toàn cầu dự báo đạt khoảng 3,17 triệu tấn, giảm 16% so với năm 2019.

12. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 9 năm 2020 ước đạt 1,15 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 9 tháng đầu năm 2020 đạt 8,48 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản là 3 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020 - chiếm 77,5% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Như vậy, trong 9 tháng đầu năm 2020, mặc dù trước những diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 trên thế giới và tại Việt Nam, ngành gỗ vẫn liên tiếp tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng. Đóng góp cho sự tăng trưởng xuất khẩu về kim ngạch chính của ngành gỗ và sản phẩm gỗ trong 8 tháng đầu năm là từ các thị trường Hoa Kỳ (tăng hơn 835 triệu USD so với cùng kỳ năm 2019, tương đương tăng 26,1%), Trung Quốc (tăng hơn 79 triệu USD so với cùng kỳ năm 2019, tương đương tăng 10,6%), Canada (tăng gần 12 triệu USD so với cùng kỳ năm 2019, tương đương 10,3%), Thái Lan (tăng hơn 5 triệu USD so với cùng kỳ năm 2019, tương đương 20,6%). Ngược lại, một số thị trường có giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam giảm mạnh trong 8 tháng đầu năm 2020 là Anh (giảm gần 75 triệu USD so với cùng kỳ, tương đương 35%), Nhật Bản (giảm gần 34 triệu USD so với cùng kỳ, tương đương 4%), Hàn Quốc và Pháp (mỗi thị trường giảm khoảng 13 triệu USD so với cùng kỳ, tương đương 2,5% ở thị trường Hàn Quốc, 15,1% ở thị trường Pháp).

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2020 tăng một phần do dịch bệnh COVID-19 khiến việc thực thi giãn cách xã hội, làm việc ở nhà tăng dẫn đến nhu cầu về đồ gỗ nội thất tăng, ngoài ra thị trường nhà ở tại Hoa Kỳ (thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam) chứng kiến sự tăng trưởng bất chấp dịch bệnh (số căn hộ đơn bán ra tháng 7/2020 tăng 9,8% so với năm 2019, lượng tồn kho về nhà ở tại Hoa Kỳ tháng 7/2020 giảm 21.1% so với năm 2019²) cũng khiến nhu cầu về đồ nội thất tăng. Với việc kiểm soát tốt dịch bệnh, ít ảnh hưởng đến sản xuất trong nước, giúp Việt Nam được hưởng lợi từ suy giảm sản lượng đồ nội thất của các quốc gia khác bị ảnh hưởng nặng hơn do dịch bệnh.

Từ ngày 1/8/2020 hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA) chính thức có hiệu lực, nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam đã công bố xuất khẩu lô hàng đầu

²Báo cáo thị trường nội thất tháng 8/2020 của công ty Tư vấn và Kế toán Smith Leonard.

tiên vào EU sau EVFTA (chanh leo, gạo, cà phê, rau quả...). Gỗ và sản phẩm gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang EU. Kim ngạch xuất khẩu nhóm các mặt hàng này của Việt Nam sang EU bình quân mỗi năm đạt trên 500 triệu USD và tiếp tục tăng trong những năm qua. Ngành gỗ Việt Nam kỳ vọng thực thi EVFTA sẽ giúp ngành mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng gỗ của mình tại các nước trong khối EU. Tuy vậy, theo Báo cáo “Tác động của Hiệp định EVFTA tới các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu và EU” của Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends³ mặc dù EVFTA đem lại những ưu đãi về thuế, các mức thuế ưu đãi mới sẽ không tạo được các động lực mới nhằm nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường cho các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU trong tương lai do những mặt hàng gỗ có kim ngạch xuất khẩu lớn (117 mặt hàng, chiếm 90% kim ngạch xuất khẩu) đã có mức thuế nhập khẩu 0% trước khi EVFTA có hiệu lực. Do vậy, EVFTA đối với ngành gỗ sẽ là bài toán hướng đến dài hạn như tiếp cận máy móc, công nghệ hiện đại của EU, đơn giản hóa các thủ tục hải quan, phòng vệ thương mại, cải cách thể chế, tăng cường thực thi sở hữu trí tuệ, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông tin minh bạch, và thân thiện với môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

15

Một điểm đáng chú ý trong ngành gỗ và các sản phẩm gỗ là ngày 01/09/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định đảm bảo hệ thống gỗ hợp pháp Việt Nam, trong đó Nghị định quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với nhập khẩu, xuất khẩu; tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; cấp giấy phép FLEGT. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2020 (trừ cấp giấy phép FLEGT và phân loại doanh nghiệp sau khi Nghị định có hiệu lực 180 ngày). Đây là cơ sở để tăng việc đảm bảo tính pháp lý của gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, điều này sẽ khiến đồ gỗ của Việt Nam có thêm động lực để nâng cao tính cạnh tranh khi xuất khẩu vào các thị trường khó tính, yêu cầu nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông tin minh bạch, và sản phẩm thân thiện với môi trường. Ngoài ra, thực thi chính sách trên cũng giúp giảm nguy cơ về nguy cơ gian lận thương mại, giả xuất xứ hàng hóa, doanh nghiệp bị kiện chống bán phá giá, trợ cấp.

Một số nhận định và dự báo: Dự báo các tháng cuối năm, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng (dự kiến kim ngạch cả năm 2020 đạt trên 12 tỷ USD⁴) do: vào mùa Noel của các nước tăng mức chi tiêu, mua sắm; tình hình dịch bệnh tại Việt Nam đã được kiểm soát, hoạt động sản xuất trong nước dần trở lại bình thường, Chính phủ Việt Nam dần khôi phục lại các đường bay quốc tế.

³Trần Lê Huy (FPA Bình Định) - Cao Thị Cẩm (VIFOREST) – Tô Xuân Phúc (Forest Trends) – Báo cáo Tác động của Hiệp định EVFTA tới các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu và EU

⁴ Tổng cục Lâm nghiệp – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH TRÊN THỊ TRƯỜNG

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được thông báo của Cơ quan Kiểm dịch thực vật Chile về việc thay đổi Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật xuất khẩu và tái xuất khẩu; theo đó, Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật mới (cấp dưới dạng bản điện tử, không sử dụng chữ ký trực tiếp) sẽ thay thế Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật cũ và có hiệu lực từ ngày 21/9/2020. Giấy chứng nhận KDTV cũ vẫn tiếp tục có giá trị cho đến ngày 30/11/2020. Chi tiết tham khảo tại:

https://www.ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/Kiểm%20dịch%20TV/Mau%20Phyto%20Ce/Chile_Thông%20báo%20PC.pdf

2. Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 1/9/2020 của Chính phủ có hiệu lực vào cuối tháng 10/2020 yêu cầu bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với khai thác, vận chuyển, mua bán, chế biến gỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Quy định này sẽ áp dụng đối với tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định này. Chi tiết tại:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=4&category_id=0

3. Ngày 04/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 103/2020/NĐ-CP quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU). Nghị định này quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm thuộc Danh mục quy định tại điểm 8 tiểu mục 1 mục B Phụ lục 2-A của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch khi xuất sang EU. Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, chứng nhận lại, huỷ bỏ Giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm là Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi tiết tại:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=4&category_id=0

4. Ngày 18/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 111/NĐ/CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu giai đoạn 2020 - 2022 nhằm thực thi các cam kết về mở cửa thị trường hàng hóa của Việt Nam trong Hiệp định EVFTA. Theo đó, Nghị định quy định Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định EVFTA và điều kiện được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này. Chi tiết tham khảo tại:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=4&category_id=0

5. Theo thông tin từ Văn phòng Kinh tế Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc, Cục Kiểm nghiệm phòng dịch động thực vật, Ủy ban nông nghiệp Đài Loan (BAPHIQ) thông báo về việc ngày 10/9/2020 Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan đã công bố sửa đổi mục 5/4 điểm 8 “Điều kiện kiểm dịch xuất nhập khẩu cá đông lạnh chưa bỏ nội tạng” của Điều kiện kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất nhập khẩu. Theo đó, BAPHIQ cho hay ngày 16/9/2020 Đài Loan đã gửi thông báo số G/SPS/N/TPKM/466/Rev.1/Add.1 lên Tổ chức Thương mại thế giới WTO về việc thay đổi này. Theo thông báo của BAPHIQ, quy định sửa đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

6. Ngày 22/9/2020, Văn phòng Kinh tế Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc đã nhận được công văn số 1099030167A ngày 17/9/2020 của Tổng cục quản lý Thực phẩm và Dược, Bộ Y tế và Phúc lợi Đài Loan (TFDA) thông báo về “Danh sách các cơ sở chế biến thủy sản của Việt Nam được phép xuất khẩu sang Đài Loan” (List of Vietnamese fishery processing establishments authorized for export to Taiwan). Theo thông báo của TFDA, Danh sách doanh nghiệp xuất khẩu cua sống (Live Crabs) hiện không đổi so với kỳ xét duyệt lần trước và có tới 699 cơ sở chế biến thủy sản của Việt Nam được TFDA cấp phép xuất khẩu sang Đài Loan, tăng 25 doanh nghiệp so với kỳ xét duyệt lần trước. Theo quy định, chỉ có các doanh nghiệp nằm trong Danh sách đã được TFDA xét duyệt mới được phép xuất khẩu thủy sản vào Đài Loan. Danh sách có hiệu lực từ ngày 30/9/2020 (tính từ thời điểm hàng hoá rời cảng) và được đăng tải chi tiết tại địa chỉ: <https://www.fda.gov.tw/TC/siteContent.aspx?sid=2549>

7. Theo thông tin từ Bộ Công Thương, Tổng cục Thực phẩm và Dược phẩm Ả-rập Xê-út (SFDA) thông báo cho phép 12 doanh nghiệp Việt Nam được xuất khẩu trở lại mặt hàng thủy sản vào thị trường này. Đây là tín hiệu đáng mừng với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, nhưng đồng thời các doanh nghiệp cũng cần lưu ý Ả-rập Xê-út là thị trường đòi hỏi cao về chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Chi tiết tham khảo tại: <https://moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/a-rap-xe-ut-cho-phep-mot-so-doanh-nghiep-viet-nam-duoc-xuat-khau-tro-lai-mat-hang-thuy-san-vao-a-rap-xe-ut-20478-22.html>